

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 38/2016/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng
và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích
đối với các công ty nông, lâm nghiệp**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 23 tháng 12 năm 2004;

*Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành
Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp đổi mới và phát
triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc ban hành một số chính sách bảo
vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với
các công ty nông, lâm nghiệp.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quan điểm chỉ đạo phát triển rừng

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng và chế biến lâm sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

2. Rừng sản xuất là rừng đa mục tiêu, trồng rừng sản xuất nhằm tăng thu nhập cho người làm nghề rừng và góp phần bảo vệ môi trường, sinh thái.
3. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng đầu tư và hưởng lợi trực tiếp từ việc trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ, lâm sản; Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí ban đầu nhằm khuyến khích phát triển rừng, đồng thời là để chi trả một phần giá trị môi trường do rừng trồng mang lại và bù đắp lợi nhuận thấp do tính đặc thù của nghề rừng.
4. Phát triển rừng sản xuất phải gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm lâm sản, đảm bảo nghề rừng ổn định, bền vững.
5. Ưu tiên hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng sản xuất, tạo động lực thúc đẩy phát triển lâm nghiệp ở các xã đặc biệt khó khăn. Trong đó đặc biệt ưu tiên hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, chế biến gỗ ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và các huyện miền núi của các tỉnh Trung Bộ.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định một số cơ chế, chính sách đối với việc bảo vệ rừng và phát triển ngành lâm nghiệp bền vững.
2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn trong nước hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện, bảo vệ phát triển rừng, khai thác, chế biến lâm sản và đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (sau đây gọi chung là Nghị định số 118/2014/NĐ-CP).

Điều 3. Mục tiêu phát triển rừng

1. Mục tiêu đến năm 2020: Trồng 900.000 ha rừng sản xuất, bình quân mỗi năm trồng 180.000 ha. Trồng 75.000 ha rừng phòng hộ, đặc dụng, mỗi năm trồng 15.000 ha. Khoanh nuôi tái sinh rừng 360.000 ha.
2. Giải quyết việc làm, tăng thu nhập nhằm ổn định đời sống cho đồng bào miền núi.
3. Thúc đẩy hình thành thị trường nghề rừng phát triển ổn định lâu dài, bao gồm thị trường cung cấp giống, dịch vụ kỹ thuật, thị trường chế biến và tiêu thụ lâm sản.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Hỗ trợ đầu tư: Là hình thức hỗ trợ một phần vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng theo quy định.
2. Hỗ trợ sau đầu tư: Là hình thức hỗ trợ mà nhà đầu tư (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng) tự đầu tư cho các nội dung trồng rừng và chế biến gỗ theo quy định của Quyết định này, sau đó nhà nước nghiệm thu kết quả đầu tư (từng phần hoặc toàn bộ kết quả), Nhà nước sẽ thanh toán cho nhà đầu tư phần vốn hỗ trợ từ ngân sách được quy định tại Quyết định này.
3. Khu lâm nghiệp công nghệ cao: Là khu triển khai các dự án nghiên cứu và phát triển (R&D) của ngành lâm nghiệp; khu sản xuất các sản phẩm mới; khu ứng dụng công nghệ sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao phục vụ cho sản xuất lâm nghiệp gồm: sản xuất giống lâm nghiệp bằng công nghệ nhân mô; khu sản xuất sản phẩm phụ trợ (keo dán, sơn phủ, phụ kiện cơ khí); khu chế tạo các thiết bị phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Điều 5. Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, trồng cây phân tán và khuyến lâm

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc được quy hoạch là rừng sản xuất được hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ cụ thể như sau:
 - a) Trồng các loài cây sản xuất gỗ lớn (khai thác sau 10 năm tuổi), cây đa mục đích, cây bản địa, mức hỗ trợ 8 triệu đồng/ha; trồng các loài cây sản xuất gỗ nhỏ (khai thác trước 10 năm tuổi) và cây phân tán (quy đổi 1000 cây/ha), mức hỗ trợ 5 triệu đồng/ha.
 - b) Trồng rừng sản xuất tại các xã biên giới, các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên và các tỉnh vùng Tây Nguyên được hỗ trợ thêm 2 triệu đồng/ha ngoài mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trồng rừng khảo nghiệm (giống mới, trên vùng đất mới) theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ vốn bằng 60% giá thành trồng rừng được duyệt. Mỗi mô hình trồng rừng khảo nghiệm được hỗ trợ không quá 2 ha.

3. Hỗ trợ chi phí cho công tác khuyến lâm: hỗ trợ 500.000 đồng/ha/4 năm (1 năm trồng và 3 năm chăm sóc).

4. Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, thiết kế, ký kết hợp đồng trồng rừng: 300.000 đồng/ha.

5. Hỗ trợ một lần cấp chứng chỉ rừng bền vững cho các doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm hộ, hộ gia đình: 70% chi phí, tối đa không quá 300.000đ/ha quy mô tối thiểu 100 ha trở lên (cho rừng tự nhiên, rừng trồng).

6. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ sau đầu tư và hỗ trợ đầu tư.

7. Điều kiện nhận hỗ trợ:

a) Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng phải có đất quy hoạch trồng rừng sản xuất được cấp có thẩm quyền giao hoặc được thuê và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp. Đối với doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức khác đất trồng rừng sản xuất phải được giao khoán cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng ổn định lâu dài (tối thiểu một chu kỳ).

b) Nguồn giống trồng rừng (hạt giống, trái giống hoặc cây giống) phải có xuất xứ từ cơ sở sản xuất giống đã được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận về nguồn giống theo quy định.

Điều 6. Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, khoanh nuôi tái sinh rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng.

1. Đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: mức kế hoạch vốn từ Ngân sách Trung ương là 30 triệu đồng/ha; mức đầu tư cụ thể được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quyết định đầu tư Trung ương tự cân đối bổ sung phần ngân sách còn thiếu theo dự toán được duyệt. Trường hợp tổ chức (ngoài quốc doanh), hộ gia đình,

cá nhân trồng rừng phòng hộ: phần còn thiếu (so với mức hỗ trợ 30 triệu đồng/ha) theo dự toán thiết kế kỹ thuật thì tự bổ sung kinh phí để thực hiện.

2. Hỗ trợ trồng tre, luồng bảo vệ bờ sông, bờ suối, các công trình có nguy cơ sạt lở cao. Mức hỗ trợ 100.000đ/khóm (tối thiểu 3 cây/khóm; 1 năm trồng và 3 năm chăm sóc bảo vệ).

3. Khoán quản lý bảo vệ rừng: Bình quân 300.000đ/ha/năm. Mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trong đó hỗ trợ chi phí lập hồ sơ giao khoán quản lý bảo vệ rừng là 50.000đ/ha/5 năm.

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân ở các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo;

b) Đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo và cộng đồng dân cư thôn được giao rừng ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (khu vực II, III) thuộc vùng dân tộc và miền núi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;

c) Đối với khoán bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng ven biển: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020.

4. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên: Nhà nước khuyến khích phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng bằng biện pháp khoanh nuôi tái sinh tự nhiên mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Không trồng bổ sung: mức hỗ trợ 03 triệu đồng/ha/6 năm mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.